

Bản án số: 69/2021/DS-ST

Ngày: 24-11-2021

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Lê Thị Bé Bảy**

2/ Bà **Lê Thị Thu Yên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng góp hội – Đòi tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXX-ST ngày 28/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐ-DS ngày 10/6/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Túy P sinh năm 1973.

Địa chỉ: số 186 tổ 9, ấp Bình Phong, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: chị Lê Trúc Ng sinh năm 1989,

Địa chỉ: số 60/4 đường Nguyễn An Ninh, phường 2, thành phố M, Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2021

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1973.

Địa chỉ: số 113, ấp Bình Phong, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang

(Chị Ng có mặt, bà Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Túy P, và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Trúc Ng trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Túy P có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị Đ làm chủ hụi, sau khi tuyên bố bế hụi bà Đ còn nợ bà P số tiền 123.580.000 đồng. Tuy nhiên, do chưa thể cung cấp một vài biên nhận hụi bản chính nên nay bà P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.220.000 đồng chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 103.360.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, cụ thể sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/5/2019 âm lịch, có 35 phần, bà P có tham gia 01 phần (có danh sách hụi viên) và bà P mua 02 phần hụi từ hụi viên với mỗi phần là 23.980.000 đồng. Bà P đã giao cho bà Đ lãnh tổng số tiền 47.960.000 đồng, bà Đ ký nhận.

- Dây hụi 2.000.000 đồng khai ngày 20/2/2019 âm lịch, gồm 21 phần, bà P tham gia 01 phần (có danh sách hụi viên), và mua 01 phần từ hụi viên hết ngày 20/2/2020 âm lịch, giao hụi ngày 20/3/2020 âm lịch với số tiền 24.000.000 đồng và đã giao cho bà Đ số tiền 24.000.000 đồng có ký nhận.

- Dây hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 30/11/2019 âm lịch, gồm 24 phần, bà P mua 01 phần từ hụi viên với số tiền đã giao cho chủ hụi là 31.400.000 đồng, bà Đ có ký nhận.

Đối với những hụi viên mà bà P mua hụi thì do bà Đ giới thiệu và trực tiếp liên hệ nên bà P không trực tiếp gặp và giao tiền, mọi giao dịch đều thông qua chủ hụi Nguyễn Thị Đ, không liên quan đến người nào khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên Tòa, Người đại diện theo ủy quyền của bà P là chị Lê Trúc Ng rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Phượng số tiền 103.360.000 đồng từ việc mua bán hụi, không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi còn thiếu nên vụ án được xác định có quan hệ tranh chấp là “Đòi tài sản” theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Bình Phong, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ 2 nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào biên nhận lãnh hụi đối với dây hụi ngày 25/5/2019 âm lịch, ngày 20/2/2020 âm lịch và ngày 30/11/2019 âm lịch, thì giữa bà Nguyễn Thị Túy P và bà Nguyễn Thị Đ có phát sinh quan hệ mua bán hụi. Chị Ng

trình bày, do có quan hệ chơi hội nhiều năm do bà Đ làm chủ hội nên bà P rất tin tưởng, khi được bà Đ cho hay việc có hội viên có nhu cầu bán hội nên bà P đã đồng ý vào mua 02 dây hội theo dây hội ngày 25/5/2019 âm lịch với số tiền 47.960.000 đồng, mua 01 phần của dây hội ngày 30/11/2019 âm lịch với số tiền 31.400.000 đồng và 01 phần của dây hội ngày 20/02/2020 với số tiền 24.000.000 đồng. Số tiền bà P giao để mua hội đều đã giao đủ cho bà Đ, phía bà Đ có ký nhận với nội dung chủ hội lãnh. Sau khi biết bà Đ vỡ hội, phía bà P đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà Đ trả số tiền 103.360.000 đồng nhưng bà Đ không thực hiện làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà P nên bà P khởi kiện.

Mặt khác, trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ nhưng bà Đ không đến tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà P. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đ phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.220.000 đồng là tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền hội 20.220.000 đồng. Nếu sau này bà Nguyễn Thị Túy P khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Nguyễn Thị Túy P không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Về yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Túy P.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Túy P số tiền 103.360.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu ba trăm sáu mươi ngàn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 20.220.000 đồng. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 5.168.000 đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Túy P số tiền 3.090.000 đồng theo biên lai số 0005576 ngày 07/4/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.
- VKS nhân dân TP Mỹ Tho.
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP Mỹ Tho.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh